

**UBND TỈNH BẮC KẠN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**Số:** /SNN-KHTC  
V/v tiếp thu, giải trình các ý kiến góp  
ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi,  
bổ sung một số nội dung tại Quy  
định ban hành kèm theo Nghị quyết  
số 13/2022/NQ-HĐND ngày  
18/10/2022 của HDND tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Kạn, ngày tháng 7 năm 2023*

**Kính gửi:**

- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và công nghệ, Lao động Thương binh & Xã hội, Y tế;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới;
- UBND các huyện, thành phố;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Kạn tại Công văn số 3009/UBND-NNTNMT ngày 18/5/2023. Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, soạn thảo hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương.

Đến ngày 13/7/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được 16 văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Sau khi nghiên cứu nội dung ý kiến tham gia góp ý vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các đơn vị như sau:

*(Chi tiết tại bảng tổng hợp kèm theo)*

Trên đây là nội dung tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý cho hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HDND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Gửi bản điện tử:*
- Như trên;
  - GD, các PGĐ Sở;
  - Tổ XD NQ theo QĐ267;
  - Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Hà Sỹ Huân**

**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THAM GIA ĐÓNG GÓP  
VÀO HỒ SƠ DỰ THẢO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

*(Kèm theo Công văn số /SNN-KHTC ngày tháng 7 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn)*

| TT | Đơn vị tham gia ý kiến | Nội dung tham gia ý kiến đóng góp  | Ý kiến tiếp thu, giải trình  |
|----|------------------------|--|--|
| 1  | Sở Kế hoạch và Đầu tư  | <p>Điều 5b quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) với 06 tiêu chí.</p> <p>Tuy nhiên, các tiêu chí từ 1 đến 4 là các nội dung về điều kiện hỗ trợ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng được quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; tiêu chí thứ 5 là các nội dung thẩm định của Tổ thẩm định được quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Vì vậy, việc quy định tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng gồm các nội dung nêu trên là chưa phù hợp.</p> <p>Đối với tiêu chí thứ 6, nội dung: “... Ngoài ra, căn cứ vào Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2732/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể dược liệu tỉnh Bắc Kạn, Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương để lựa chọn dự án”</p> | <p>Tiếp thu và chỉnh sửa như sau:</p> <p><b>“Điều 5b. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rau, củ, quả, cây đặc sản, cây công nghiệp (Cam, quýt, hồng không hạt, mơ, dong riềng, bí xanh thơm, rau bồ khai, chuối,...);</li> <li>- Gạo chất lượng;</li> <li>- Chè (chè trung du, chè shan tuyết);</li> <li>- Chăn nuôi gia súc, gia cầm,...;</li> <li>- Trồng rừng, cải tạo rừng trồng (lát, keo, mỡ, thông, hòi, quế,...);</li> <li>- Sản phẩm từ các cây dược liệu.”.</li> </ul> |

|   |                  |   |   |
|---|------------------|---|---|
|   |                  | còn quá chung chung, chưa cụ thể, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện khi Nghị quyết được ban hành.  |   |
| 2 | Sở Lao động TBXH | <p>1. Tờ trình dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Khoản 2.2, 2.6 điểm 2 mục IV đề nghị sửa thành: “Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất”.</p> | <p>Không tiếp thu</p> <p><u>Giải trình:</u></p> <p>Khoản 2.2, 2.6 điểm 2 mục IV tại dự thảo tờ trình đang quy định về nội dung được hỗ trợ, không quy định về mức hỗ trợ.</p> |
|   |                  | <p>- Khoản 2.3 điểm 2 mục IV đề nghị sửa thành:</p> <p><b>“Điều 3a. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị</b></p> <p>Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.</p>   | <p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo tờ trình và dự thảo nghị quyết</p>  |
|   |                  | <p>- Khoản 2.7 điểm 2 mục IV đề nghị sửa thành:</p> <p><b>“Điều 5a. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng</b></p> <p>Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác nhưng tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án, phương án sản xuất thuộc phạm vi đầu tư</p>   | <p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo tờ trình và dự thảo nghị quyết.</p>   |

|   |                    |   |  |
|---|--------------------|---|--|
|   |                    | các chương trình mục tiêu quốc gia.   |  |
|   |                    | <p>2. Dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Căn cứ đề nghị bổ sung thêm:</p> <p><i>“Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025”.</i></p> | <p>Không tiếp thu</p> <p><u>Giải trình:</u></p> <p>Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; ; Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/ 2022 của Bộ Y tế; Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế.</p> <p>Các văn bản nêu trên đều được ban hành trên cơ sở Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Do vậy, để đảm bảo tính ổn định, phù hợp của dự thảo Nghị quyết, đơn vị soạn sẽ bỏ ra khỏi căn cứ ban hành nghị quyết để cân nhắc đến trường hợp các văn bản này sẽ sửa đổi, bổ sung theo quy định của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.</p> |
| 3 | UBND huyện Chợ Đồn | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét một số nội dung tại khoản 4, điều 1 của dự thảo Nghị quyết:</p> <p>- Tại ý d) Phê duyệt dự án: Đưa nội dung <i>“Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”</i> chuyên về ý c)Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.</p> <p><i>Lý do:</i> Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết có đủ điều kiện theo quy định hay không phải được xem xét và kết luận tại bước thẩm định</p>  | <p>Tiếp thu và chỉnh sửa nội dung như sau:</p> <p><i>“Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định, Hội đồng thẩm định dự án thống nhất kết luận nêu rõ lý do trong biên bản thẩm định”.</i></p>   |

|   |                    |  |   |
|---|--------------------|--|---|
|   |                    | <p>dự án/kế hoạch liên kết; cơ quan chủ trì dự án chỉ trình phê duyệt khi dự án/kế hoạch liên kết đã được thẩm định đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.</p> <p>- Bổ sung nội dung ý c) Thẩm định dự án/kế hoạch liên kết: Nội dung thẩm định phải xem xét các định mức kinh tế, kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định.</p>  | <p>Tiếp thu bổ sung nội dung ý c) Thẩm định dự án/kế hoạch liên kết: Nội dung thẩm định phải xem xét các định mức kinh tế, kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định.</p>  |
| 4 | UBND huyện Chợ Mới | <p>1. Đề nghị bổ sung điểm C vào sau điểm B tại điều 3a như sau:</p> <p>Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có các hộ dân không thuộc đối tượng tại Điểm b khoản 2 phần III tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 và điểm (b) khoản 3 phần III tại Quyết định Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ, thuộc khi tham gia dự án.</p> | <p>Không tiếp thu</p> <p><u>Giải trình:</u></p> <p>- Về mức hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia, nội dung này đã được quy định tại điểm a của dự thảo nghị quyết.</p> <p>- Về đối tượng tham gia dự án thuộc các chương trình MTQG đã được quy định tại khoản 5 Điều 20 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)</p> |
|   |                    | <p>2. Đề nghị bổ sung điểm C vào sau điểm B tại điều 5a như sau:</p> <p>Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có các hộ dân không thuộc đối tượng tại Điểm b khoản 2 phần III tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 và điểm (b) khoản 3 phần III tại Quyết định Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ, thuộc khi</p>  | <p>Không tiếp thu</p> <p><u>Giải trình:</u></p> <p>- Về mức hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu</p>  |

|   |                     |  |  |
|---|---------------------|--|--|
|   |                     | tham gia dự án.  | quốc gia, nội dung này đã được quy định tại điểm a của dự thảo nghị quyết.<br>- Về đối tượng tham gia dự án thuộc các chương trình MTQG đã được quy định tại khoản 5 Điều 20 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)   |
| 5 | UBND huyện Pác Nặm  | Tại khoản 1 và khoản 6 Điều 1 của bản dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa bổ sung thêm thành “Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.”  | Không tiếp thu<br><u>Giải trình:</u><br>Khoản 1 và khoản 6 Điều 1 của dự thảo nghị quyết đang quy định về nội dung được hỗ trợ, không quy định về mức hỗ trợ.  |
| 6 | UBND huyện Ngân Sơn | 1. Đối với biên bản họp dân (mẫu số 08) tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND bổ sung phần xác nhận của UBND cấp xã. Lý do: tại biên bản đã thành lập nhóm cộng đồng, bầu tổ trưởng nhóm cộng đồng và hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi mà các nội dung này đều cần có xác nhận của UBND xã.<br>2. Bổ sung mẫu biên bản thành lập nhóm cộng đồng và lựa chọn hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi (giành cho những dự án thực hiện tại địa bàn 02 thôn trở lên). <u>Lý do:</u> đối với những dự án thực hiện trên địa bàn từ 02 thôn trở lên thì việc thành lập nhóm cộng đồng ngay trong biên bản họp dân là không phù hợp với thực tế, do vậy sau khi họp dân lựa chọn được các thành viên tham gia dự án thì mới tổ chức họp thống nhất thành lập nhóm cộng đồng và lựa chọn hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi trong nhóm đó. | Không tiếp thu<br><u>Giải trình:</u><br>Mẫu biên bản họp dân dân (mẫu số 08) tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND đã có đại diện UBND cấp xã tham gia họp, trong quá trình thực hiện các địa phương vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế.<br>Đối với nội dung bổ sung mẫu biên bản thành lập nhóm cộng đồng và lựa chọn hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi (giành cho những dự án thực hiện tại địa bàn 02 thôn trở lên), đề nghị huyện vận dụng mẫu biên bản họp dân số 08 để tổ chức thực hiện. |

|   |                  |   |   |
|---|------------------|---|---|
|   | UBND huyện Na Rì | <p><b>1. Tại Điều 1, mục 9, ý c) phê duyệt dự án, phương án</b></p> <p>“Căn cứ ý kiến thẩm định... Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.</p> <p>Đề nghị sửa đổi thành: “Căn cứ ý kiến thẩm định... <b>Hội đồng thẩm định</b> có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.</p>  | Nội dung này đã tiếp thu ý kiến góp ý của UBND huyện Chợ Đồn. |
| 7   |                  | <p><b>2. Tại Điều 2, ý 1.</b></p> <p>“1. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được phê duyệt và triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền”.</p> <p><b>Đề nghị sửa bổ sung thành:</b></p> <p>“1. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được phê duyệt và triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quyết định <b>đã được</b> phê duyệt của cấp có thẩm quyền.”</p> | Đã tiếp thu, chỉnh sửa  |
| <p>Các đơn vị nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Y tế, Sở Công Thương; UBND huyện Ba Bể, Bạch Thông; Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn.</p> |                  |   |   |